ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

BỘ NGOẠI GIAO

Số: 50/2023/TB-LPQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2023

THÔNG BÁO
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực

Thực hiện quy định tại Điều 56 của Luật Điều ước quốc tế năm 2016, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân quốc về bảo hiểm xã hội, ký tại Xơ-un ngày 14 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Hiệp định theo quy định tại Điều 59 của Luật nêu trên./.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Nguyễn Lương Ngọc

HIỆP ĐỊNH
GIỮA
CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
CHÍNH PHỦ NƯỚC ĐẠI HÀN DÂN QUỐC
VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi chung là "Các Bên ký kết Hiệp định"),

Với mong muốn thúc đẩy quan hệ hợp tác trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội,

Đã thống nhất như sau:

PHẦN I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1
Định nghĩa

1. Trong khuôn khổ của Hiệp định này:

(a) "lãnh thổ" là:

(i) đối với Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Việt Nam) là lãnh thổ của Việt Nam, và

(ii) đối với Đại Hàn Dân Quốc (sau đây gọi tắt là Hàn Quốc) là lãnh thổ của Hàn Quốc;

(b) "công dân" là:

(i) đối với Việt Nam là một người có quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam, và

(ii) đối với Hàn Quốc là một công dân của Hàn Quốc theo quy định của Luật Quốc tịch;

(c) "pháp luật" là các luật, các quy định có liên quan đến bảo hiểm xã hội trong Điều 2 của Hiệp định này;

(d) "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền" là:

(i) đối với Việt Nam là Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Việt Nam, và

(ii) đối với Hàn Quốc là Bộ Y tế và Phúc lợi Hàn Quốc;

(e) "Cơ quan thực hiện" là:

(i) đối với Việt Nam là Bảo hiểm xã hội Việt Nam, và

(ii) đối với Hàn Quốc là Cơ quan Hưu trí Quốc gia:

(f) "thời gian tham gia" là bất kỳ khoảng thời gian đóng bảo hiểm xã hội đã kết thúc và được pháp luật của một Bên ký kết Hiệp định thừa nhận, và bất kỳ khoảng thời gian liên quan khác được công nhận là tương đương với thời gian đóng bảo hiểm theo quy định của pháp luật đó;

(g) "chế độ" là bất kì chế độ bảo hiểm nào căn cứ theo pháp luật được nêu trong Điều 2 của Hiệp định này;

2. Các khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều này sẽ được xác định ý nghĩa theo pháp luật quy định ở Điều 2 trong Hiệp định này.

Điều 2

Phạm vi áp dụng

1. Hiệp định này sẽ được áp dụng theo pháp luật sau:

(a) về phía Việt Nam, Luật bảo hiểm xã hội liên quan đến chế độ hưu trí và tử tuất;

(b) về phía Hàn Quốc, Luật Hưu trí Quốc gia.

2. Trừ khi có quy định khác trong Hiệp định này, các pháp luật quy định tại khoản 1 của Điều này sẽ không bao gồm các điều ước khác về bảo hiểm xã hội có thể được ký kết giữa một Bên ký kết và một quốc gia thứ ba, hoặc pháp luật quy định cụ thể việc thực hiện các điều ước nêu trên.

3. Hiệp định này cũng sẽ có hiệu lực đối với luật pháp trong tương lai mà được sửa đổi, bổ sung, hợp nhất hoặc thay thế quy định pháp luật được nêu tại khoản 1 Điều này.

4. Ngoại trừ khoản 3 của Điều này, Hiệp định này sẽ không áp dụng cho pháp luật hoặc quy định mở rộng pháp luật hiện hành của một Bên ký kết Hiệp định tới các nhóm đối tượng thụ hưởng, nếu trong vòng (6) tháng kể từ khi các

pháp luật hoặc quy định này có hiệu lực, Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Bên ký kết Hiệp định đó thông báo với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Bên ký kết Hiệp định còn lại, bằng văn bản, rằng Hiệp định này không điều chỉnh đối với phần mở rộng của pháp luật đó.

Điều 3
Đối tượng áp dụng

1. Hiệp định này được áp dụng cho bất kì đối tượng nào đã hoặc đang chịu sự điều chỉnh của pháp luật của một trong hai bên ký kết Hiệp định.

2. Hiệp định này cũng sẽ áp dụng cho các thân nhân phụ thuộc và những người hưởng chế độ tử tuất của người đó phù hợp với pháp luật của một trong hai Bên ký kết Hiệp định.

Điều 4
Đối xử bình đẳng

1. Ngoại trừ có quy định khác trong Hiệp định này, bất cứ đối tượng nào được nêu tại Điều 3 đang sinh sống trên lãnh thổ của một trong hai Bên ký kết Hiệp định, sẽ được đối xử công bằng như công dân của Bên ký kết Hiệp định đó khi áp dụng pháp luật của Bên ký kết Hiệp định trong việc xác định điều kiện pháp lý và chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội. Các quy định nêu trên cũng được áp dụng cho thân nhân phụ thuộc và người hưởng chế độ tử tuất đang sinh sống trong lãnh thổ của một trong hai Bên ký kết Hiệp định theo các quyền lợi dành cho các đối tượng nêu tại khoản này.

2. Ngoại trừ có quy định khác trong Hiệp định này, các chế độ theo pháp luật của một Bên ký kết sẽ không bị xét khấu trừ, điều chỉnh, trì hoãn, thu hồi hoặc tịch thu vì lý do người thụ hưởng cư trú hoặc ở tại lãnh thổ của Bên ký kết khác, và các chế độ sẽ được chi trả trên lãnh thổ của Bên ký kết còn lại.

3. Ngoại trừ có quy định khác trong Hiệp định này, bất cứ quy định nào trong pháp luật của một Bên ký kết đòi hỏi điều kiện thụ hưởng hoặc chi trả các chế độ phụ thuộc vào nơi cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết đó sẽ không được áp dụng cho những người cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

4. Các chế độ theo pháp luật của một Bên ký kết sẽ được chi cho đối tượng thụ hưởng các chế độ nêu tại Điều 3 khi người đó sinh sống bên ngoài lãnh thổ của cả hai Bên ký kết theo các điều kiện tương tự như áp dụng cho các công dân của Bên ký kết thứ nhất khi sinh sống bên ngoài lãnh thổ của cả hai Bên ký kết.

PHẦN II
CÁC ĐIỀU KHOẢN VỀ DIỆN BAO PHỦ

Điều 5
Các điều khoản chung

Ngoại trừ được quy định khác tại Phần này, người lao động theo hợp đồng lao động đang làm việc trên lãnh thổ của một Bên ký kết Hiệp định sẽ chỉ chịu sự điều chỉnh theo pháp luật của Bên ký kết đó, liên quan đến công việc nói trên.

Điều 6
Lao động phái cử

1. Nếu một người lao động làm việc cho một người sử dụng lao động có trụ sở đăng ký trên lãnh thổ của một Bên ký kết Hiệp định, và được người sử dụng lao động đó cử đi làm việc, thay mặt cho người sử dụng lao động đó trên lãnh thổ của Bên ký kết Hiệp định còn lại thì chỉ có pháp luật của Bên ký kết Hiệp định đầu tiên sẽ có hiệu lực đối với công việc này trong vòng sáu mươi (60) tháng đầu tiên coi như là người này đang làm việc trên lãnh thổ của Bên ký kết đầu tiên. Khoản này cũng áp dụng cho người lao động làm việc theo hợp đồng lao động được phái cử bởi người sử dụng lao động trên lãnh thổ của một Bên ký kết Hiệp định sang làm việc tại một chi nhánh hoặc một công ty con của người

sử dụng lao động trên lãnh thổ của Bên ký kết Hiệp định còn lại.

2. Trong trường hợp thời gian phái cử đi làm việc kéo dài hơn thời gian xác định tại khoản 1 của Điều này, pháp luật của Bên ký kết Hiệp định đầu tiên đề cập ở khoản đó sẽ tiếp tục áp dụng thêm cho khoảng thời gian tối đa là ba mươi sáu (36) tháng nếu công việc này vẫn được thực hiện cho cùng một người sử dụng lao động.

Điều 7

Lao động tuyển dụng tại chỗ

1. Khi một công dân của một Bên ký kết Hiệp định đang tạm trú trên lãnh thổ của Bên ký kết Hiệp định kia được tuyển dụng bởi người sử dụng lao động có cơ sở làm việc tại Bên ký kết Hiệp định kia và làm việc cho người sử dụng lao động đó trên lãnh thổ Bên ký kết Hiệp định kia, thì chỉ pháp luật của Bên ký kết Hiệp định kia sẽ có hiệu lực trong quá trình làm công việc đó.

2. Ngoại trừ các quy định tại khoản 1 của Điều này, khi một công dân Hàn Quốc được một người sử dụng có cơ sở làm việc tại Việt Nam tuyển dụng và làm việc cho người sử dụng này tại Việt Nam, chỉ pháp luật của Hàn Quốc được áp dụng trong quá trình làm công việc này với điều kiện người này là đối tượng chịu sự điều chỉnh của pháp luật Hàn Quốc và khoảng thời gian làm công việc này không kéo dài quá (60) tháng.

Điều 8

Người làm việc tại các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự và cán bộ nhà nước

1. Hiệp định này không ảnh hưởng đến việc áp dụng Công ước Viên ngày 18 tháng 4 năm 1961 về quan hệ ngoại giao và Công ước Viên ngày 24 tháng 4 năm 1963 về quan hệ lãnh sự.

2. Theo khoản 1 của Điều này, một công dân được tuyển dụng bởi cơ quan

nhà nước trung ương hoặc địa phương hay bất cứ cơ quan dịch vụ công ích khác của một Bên ký kết được cử đi làm việc trong lãnh thổ của Bên ký kết kia, sẽ chịu sự điều chỉnh bởi pháp luật của Bên ký kết đầu tiên như là họ làm việc trên lãnh thổ của Bên ký kết này.

Điều 9
Điều khoản miễn trừ

Các cơ quan có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của cả hai Bên ký kết Hiệp định có thể thống nhất miễn trừ áp dụng Phần này cho những đối tượng hoặc nhóm đối tượng cụ thể với điều kiện bất cứ đối tượng được áp dụng nào đều phải tuân theo pháp luật của một Bên ký kết.

PHẦN III
ĐIỀU KHOẢN VỀ CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM

Điều 10
Cộng dồn thời gian tham gia bảo hiểm và cách tính các chế độ hưởng

1. Khi kết thúc các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật hai Bên ký kết, để xác định điều kiện hưởng cho các chế độ theo pháp luật áp dụng của mình, Cơ quan thực hiện của mỗi Bên ký kết Hiệp định, trong trường hợp cần thiết, sẽ xem xét các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật của Bên ký kết Hiệp định kia với điều kiện các khoảng thời gian này không trùng với các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật của nước mình.

2. Trong trường hợp pháp luật của một Bên ký kết Hiệp định cho phép chi trả những chế độ nhất định với điều kiện thời gian tham gia bảo hiểm xã hội phải hoàn thành cho một công việc nhất định, thì chỉ có các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội đã hoàn thành hoặc được công nhận là tương đương

trong cùng một công việc theo pháp luật của Bên ký kết Hiệp định còn lại mới được cộng dồn để được hưởng các chế độ này.

3. Việc tính toán các chế độ sẽ được xác định theo pháp luật áp dụng của Bên ký kết Hiệp định tương ứng trừ khi được quy định khác trong Hiệp định này.

Điều 11

Các điều khoản đặc biệt về phía Hàn Quốc

1. Khi các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm theo pháp luật của Việt Nam được xem xét để xác định quyền hưởng các chế độ theo pháp luật Hàn Quốc, như quy định tại khoản 1 của Điều 10, các chế độ chi trả sẽ được xác định như sau:

(a) Cơ quan thực hiện của Hàn Quốc trước tiên sẽ tính khoản hưu trí tương đương với khoản sẽ chi cho một người trong trường hợp toàn bộ thời gian tham gia bảo hiểm tính theo pháp luật của hai Bên ký kết đã được hoàn thành theo pháp luật Hàn Quốc. Để xác định khoản tiền hưu trí được nhận, Cơ quan thực hiện Hàn Quốc sẽ căn cứ vào thu nhập trung bình hàng tháng của người đó trong thời gian tham gia bảo hiểm theo pháp luật Hàn Quốc;

(b) Cơ quan thực hiện Hàn Quốc sẽ tính toán phần chế độ chi trả theo pháp luật Hàn Quốc dựa trên chế độ hưu trí được tính ở mục trên, tỉ lệ thuận với thời gian tham gia bảo hiểm tính theo pháp luật Hàn Quốc và tổng thời gian tham gia bảo hiểm quy định trong pháp luật của cả hai Bên Ký kết Hiệp định.

2. Nếu tổng thời gian tích lũy tham gia bảo hiểm của một đối tượng theo pháp luật của Hàn Quốc là dưới 18 tháng, Cơ quan thực hiện của Hàn Quốc sẽ không phải áp dụng Điều 10 của Hiệp định này

3. Việc chi trả một lần sẽ được phép áp dụng đối với các công dân của Việt Nam theo điều kiện tương tự như dành cho công dân Hàn Quốc. Ngoại trừ các quy định tại Điều 4 của Hiệp định này, các khoản chi trả một lần sẽ được thực

hiện đối với công dân một nước thứ ba chỉ theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Điều 12
Các điều khoản đặc biệt về phía Việt Nam

1. Khi các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm theo pháp luật của Hàn Quốc được xem xét để xác định quyền hưởng các chế độ theo pháp luật Việt Nam như quy định tại khoản 1 Điều 10, các mức chi trả sẽ được xác định như sau:

(a) Thời gian tham gia bảo hiểm xã hội để tính hưởng chế độ hưu trí là tổng thời gian tham gia ở cả Hàn Quốc và Việt Nam, không bao gồm thời gian trùng (nếu có);

(b) Mức hưởng các chế độ được tính theo pháp luật của Việt Nam và không có sự phân biệt đối xử;

(c) Nếu tổng thời gian tham gia bảo hiểm tích lũy cho một người theo pháp luật Việt Nam ít hơn 18 tháng, Cơ quan thực hiện của Việt Nam sẽ không phải áp dụng Điều 10 của Hiệp định này.

2. Ngoại trừ các quy định tại khoản 1 của Điều này, thời gian đóng theo quy định của pháp luật Hàn Quốc sẽ không được tính làm căn cứ xét hưởng chế độ tử tuất theo pháp luật của Việt Nam.

3. Khoản 2 của Điều này sẽ không được áp dụng khi pháp luật của Việt Nam sửa đổi để tính mức hưởng chế độ tử tuất.

PHẦN IV
CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 13
Thoả thuận hành chính

1. Các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của các Bên ký kết Hiệp định sẽ thống nhất một Thoả thuận hành chính nhằm mục đích đưa ra những giải pháp cần thiết cho việc thực hiện Hiệp định này.

2. Các cơ quan đầu mối của mỗi Bên ký kết Hiệp định sẽ được chỉ định trong Thỏa thuận hành chính.

Điều 14

Trao đổi thông tin và Hỗ trợ lẫn nhau

1. Căn cứ vào phạm vi trách nhiệm của mình, các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các Cơ quan thực hiện của các Bên ký kết Hiệp định sẽ:

(a) Trao đổi với nhau bất cứ thông tin nào cần thiết cho việc áp dụng Hiệp định, trong khuôn khổ cho phép của pháp luật của mình;

(b) Hỗ trợ lẫn nhau trong việc xác định điều kiện hưởng bảo hiểm, hoặc chi trả bất cứ chế độ bảo hiểm nào theo Hiệp định này, hoặc pháp luật mà Hiệp định này áp dụng; và

(c) Trao đổi thông tin với nhau bằng cách nhanh nhất có thể về các biện pháp thực hiện để triển khai Hiệp định này cũng như bất cứ thay đổi pháp luật nào của các bên có khả năng tác động tới việc áp dụng Hiệp định này.

2. Sự hỗ trợ được đề cập trong mục 1 (b) của Điều này được thực hiện miễn phí, ngoại trừ các trường hợp ngoại lệ sẽ được nhất trí trong Thỏa thuận hành chính thực hiện Hiệp định được thống nhất theo quy định tại khoản 1 của Điều 13.

11

Điều 15
Bảo mật thông tin

Trừ trường hợp bắt buộc theo các quy định và pháp luật của một Bên ký kết Hiệp định, thông tin về một cá nhân được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định đó cung cấp cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định kia theo Hiệp định này sẽ chỉ được sử dụng duy nhất cho mục đích thực hiện Hiệp định này và pháp luật mà Hiệp định này áp dụng. Thông tin nêu trên mà Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của một Bên ký kết Hiệp định nhận được sẽ được quản lý theo các quy định và pháp luật quốc gia của Bên ký kết Hiệp định đó để đảm bảo bảo vệ thông tin riêng tư và bí mật cá nhân.

Điều 16
Miễn trừ các loại chứng nhận giấy tờ

1. Văn bản và chứng nhận từ Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của một trong hai bên Bên ký kết Hiệp định để áp dụng Hiệp định hoặc áp dụng pháp luật của Bên ký kết còn lại sẽ được miễn thủ tục hợp pháp hóa bởi cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

2. Bản sao của các văn bản đã chứng thực hoặc sao y bản chính bởi Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của một Bên ký kết sẽ được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định còn lại công nhận mà không cần bất kỳ hình thức chứng thực, hợp pháp hóa hoặc xác nhận bởi cơ quan ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự hay bất cứ cơ quan tương tự nào khác.

Điều 17

Ngôn ngữ trao đổi thông tin

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Cơ quan thực hiện của các Bên ký kết Hiệp định có thể trao đổi trực tiếp với nhau, cũng như với bất kì ai hoặc đại diện của họ bằng tiếng Hàn, tiếng Việt hoặc tiếng Anh không phụ thuộc nơi người đó sinh sống và bất cứ khi nào cần thiết để áp dụng Hiệp định hoặc pháp luật liên quan đến Hiệp định này.

2. Các đề nghị và hồ sơ có thể không bị các cơ quan thực hiện hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của một Bên ký kết Hiệp định từ chối chỉ vì lý do các đề nghị và hồ sơ này được lập bằng ngôn ngữ chính thức của Bên ký kết Hiệp định kia hoặc bằng tiếng Anh.

Điều 18

Đệ đơn Khiếu nại, Thông báo hoặc Yêu cầu

1. Bất kì đơn khiếu nại, thông báo hoặc yêu cầu liên quan đến việc xác định hoặc chi trả chế độ bảo hiểm theo pháp luật của một Bên ký kết Hiệp định nếu, theo pháp luật đó, phải nộp trong thời hạn được quy định cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định đó, nhưng lại nộp trong cùng thời hạn cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết còn lại, thì sẽ được xem như đã được nộp đúng thời hạn quy định cho Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết Hiệp định đầu tiên.

2. Sau khi Hiệp định này có hiệu lực, nếu một người nộp đơn bằng văn bản yêu cầu giải quyết chế độ bảo hiểm tới Cơ quan thực hiện của một Bên ký kết Hiệp định theo pháp luật của Bên ký kết Hiệp định đó, thì hồ sơ sẽ đảm bảo quyền lợi mà người đó được hưởng đối với các chế độ tương ứng theo pháp luật Bên ký kết còn lại nếu như người đó tại thời điểm đệ đơn:

(a) Có đủ điều kiện về tuổi được hưởng chế độ để nộp đơn khiếu nại xin chế độ bảo hiểm của Bên ký kết còn lại; và

(b) Đề nghị xem xét chấp nhận hồ sơ theo pháp luật của Bên ký kết còn lại; hoặc

(c) Cung cấp thông tin nêu rõ các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm đã được hoàn thành đầy đủ theo pháp luật của Bên ký kết còn lại.

Tuy nhiên, các điều trên sẽ không được áp dụng khi người đệ đơn có yêu cầu cụ thể đơn này chỉ liên quan đến các chế độ theo pháp luật của Bên ký kết Hiệp định đầu tiên.

3. Trong bất cứ trường hợp nào thuộc phạm vi áp dụng của khoản 1 và khoản 2 của Điều này, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện tiếp nhận đơn khiếu nại, thông báo hoặc yêu cầu phải ghi rõ ngày tiếp nhận hồ sơ và chuyển ngay không chậm trễ tới Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Cơ quan thực hiện của Bên ký kết còn lại.

Điều 19
Chi trả bảo hiểm

Cơ quan thực hiện của một Bên ký kết Hiệp định có thể chi trả chế độ bảo hiểm theo Hiệp định này bằng nội tệ của Bên ký kết Hiệp định đó.

Điều 20
Giải quyết tranh chấp

Mọi bất đồng liên quan đến việc giải thích và áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết thông qua tham vấn và thương lượng giữa các Bên ký kết Hiệp định.

PHẦN V
ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN ĐỔI VÀ ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 21
Các điều khoản chuyển đổi

1. Bất kì khoảng thời gian đóng bảo hiểm nào hoàn thành trước khi Hiệp định này có hiệu lực cũng như các sự kiện liên quan nào khác diễn ra trước ngày này sẽ được xem xét để xác định quyền hưởng các chế độ bảo hiểm theo Hiệp định này. Tuy nhiên, không Cơ quan thực hiện nào của mỗi Bên ký kết bị ràng buộc phải tính các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm xảy ra trước ngày sớm nhất mà các khoảng thời gian tham gia bảo hiểm có thể được ghi nhận theo pháp luật của Bên đó.

2. Hiệp định này sẽ không thiết lập quyền hưởng bất cứ chế độ bảo hiểm nào đối với thời gian đóng bảo hiểm trước ngày Hiệp định có hiệu lực.

3. Việc xác định chi trả các chế độ bảo hiểm được đưa ra trước ngày Hiệp định này có hiệu lực sẽ không ảnh hưởng tới các quyền lợi phát sinh từ Hiệp định này.

4. Các chế độ bảo hiểm được xác định trước ngày Hiệp định này có hiệu lực có thể được xác định lại căn cứ theo hồ sơ nếu sự thay đổi chế độ bảo hiểm này là phát sinh hoàn toàn từ các điều khoản của Hiệp định này. Nếu việc xác định mới theo quy định của khoản này dẫn tới việc cá nhân bị mất quyền hoặc nhận mức hưởng các chế độ bảo hiểm thấp hơn so với mức được chi trả cho giai đoạn đóng bảo hiểm trước ngày Hiệp định này có hiệu lực thì các mức hưởng cho các chế độ bảo hiểm tương tự như đã được chi trả trước đây sẽ được áp dụng.

5. Khi áp dụng Điều 6 và Điều 7 trong trường hợp các cá nhân đã được cử đi làm việc, hoặc tuyển dụng trên lãnh thổ của một Bên ký kết Hiệp định trước ngày Hiệp định này có hiệu lực, thời gian làm việc đề cập trong Điều đó sẽ được coi là bắt đầu từ ngày Hiệp định này có hiệu lực.

6. Các điều khoản của Phần III sẽ chỉ áp dụng cho các chế độ bảo hiểm mà hồ sơ yêu cầu được nộp vào đúng ngày hoặc sau ngày Hiệp định có hiệu lực.

Điều 22
Sửa đổi

Hiệp định này có thể được sửa đổi trên cơ sở thống nhất chung giữa hai Bên kí kết Hiệp định. Sửa đổi đó sẽ có hiệu lực theo quy trình nêu tại Điều 23 và là một phần không thể thiếu của Hiệp định này.

Điều 23
Hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực từ ngày thứ nhất của tháng thứ hai kể từ tháng mà mỗi Bên ký kết Hiệp định nhận được thông báo bằng văn bản của Bên ký kết Hiệp định kia rằng Bên ký kết Hiệp định thứ nhất đã hoàn tất các thủ tục để Hiệp định có hiệu lực.

2. Ngoại trừ khoản 1 của Điều này, các quy định tại Điều 4 và Phần III sẽ chỉ được các Bên ký kết áp dụng nếu Việt Nam có khả năng thực hiện các nghĩa vụ nêu tại Điều 4, 10 và 12. Trong trường hợp đó, Việt Nam sẽ thông báo bằng văn bản, thông qua các kênh ngoại giao, tới Hàn Quốc rằng Việt Nam sẽ thực hiện các nghĩa vụ này. Các quy định tại Điều 4 và Phần III sẽ được áp dụng kể từ ngày Hàn Quốc thông báo bằng văn bản cho Việt Nam xác nhận việc này qua đường ngoại giao.

Điều 24
Thời hạn và chấm dứt hiệu lực

1. Hiệp định này sẽ có hiệu lực tới ngày cuối cùng của tháng thứ 12 sau tháng có thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt Hiệp định được đưa ra bởi một trong hai Bên ký kết gửi tới Bên còn lại.

2. Trong trường hợp Hiệp định này chấm dứt hiệu lực, các quyền hưởng chế độ bảo hiểm hoặc việc chi trả các chế độ bảo hiểm theo Hiệp định sẽ được

tiếp tục. Các Bên ký kết sẽ thu xếp biện pháp xử lý các quyền hưởng các chế độ bảo hiểm đang trong giai đoạn thụ lý.

Trước sự chứng kiến của các bên, người ký dưới đây có đủ thẩm quyền để ký Hiệp định này.

Làm tại Seoul, vào ngày thứ ...14..... tháng 12, năm 2021 bằng tiếng Hàn, tiếng Việt và tiếng Anh, các văn bản đều có giá trị như nhau. Trong trường hợp có cách giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được áp dụng.

ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	ĐẠI DIỆN CHÍNH PHỦ NƯỚC ĐẠI HÀN DÂN QUỐC
ĐÀO NGỌC DUNG	KWON DEOK-CHEOL
Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ trưởng Bộ Y tế và Phúc lợi xã hội

AGREEMENT
BETWEEN
THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
AND
THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA
ON SOCIAL INSURANCE

The Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Government of the Republic of Korea (hereinafter referred to as the "Contracting Parties"),

Desiring to further their mutual cooperation in the field of social insurance,

Have agreed as follows:

Part I

General Provisions

Article 1

Definitions

1. For the purpose of this Agreement:

(a) "territory" means:

(i) as regards the Socialist Republic of Viet Nam (hereinafter referred to as "Viet Nam"), the territory of Viet Nam, and

(ii) as regards the Republic of Korea (hereinafter referred to as "Korea"), the territory of Korea;

(b) "national" means:

(i) as regards Viet Nam, a national of Viet Nam as defined in the Law on Nationality of Viet Nam, and

(ii) as regards Korea, a national of Korea as defined in the Nationality Law;

(c) "legislation" means the laws and regulations related to social insurance specified in Article 2 of this Agreement;

(d) "Competent Authority" means:

(i) as regards Viet Nam, the Ministry of Labour, Invalids and Social Affairs, and

(ii) as regards Korea, the Ministry of Health and Welfare;

(e) "Implementation Agency" means:

(i) as regards Viet Nam, the Viet Nam Social Security, and

(ii) as regards Korea, the National Pension Service;

(f) "period of coverage" means any period of paying social insurance contributions completed and recognized under the legislation of a Contracting Party, and any other relevant period considered to be equivalent to a period of paying social insurance contributions under that legislation;

(g) "benefit" means any benefit provided for in the legislation specified in Article 2 of this Agreement.

2. Any term not defined in this Article shall have the meaning assigned to it in the legislation specified in Article 2 of this Agreement.

Article 2

Scope of Application

1. This Agreement shall apply to the following legislation:

(a) as regards Viet Nam, the Law on Social Insurance related to old age benefits and survivor benefits;

(b) as regards Korea, the National Pension Act.

2. Unless otherwise provided in this Agreement, the legislation referred to in paragraph 1 of this Article shall not include any other treaties on social insurance that may be concluded

between one Contracting Party and a third State, or legislation promulgated for the specific implementation of such treaties.

3. This Agreement shall also apply to future legislation which amends, supplements, consolidates or supersedes the legislation specified in paragraph 1 of this Article.

4. Notwithstanding paragraph 3 of this Article, this Agreement shall not apply to laws or regulations which extend the existing legislation of one Contracting Party to new categories of beneficiaries if, within six (6) months from the date of the entry into force of such laws or regulations, the Competent Authority of that Contracting Party notifies the Competent Authority of the other Contracting Party, in writing, that no such extension to the Agreement is intended.

Article 3

Personal Scope

1. This Agreement shall apply to any person who is or who has been subject to the legislation of either Contracting Party.

2. This Agreement also shall apply to the dependents and survivors of such a person in compliance with the legislation of either Contracting Party.

Article 4

Equal Treatment

1. Unless otherwise provided in this Agreement, any person described in Article 3 who resides in the territory of either Contracting Party, shall, in the application of the legislation of

that Contracting Party regarding the eligibility for and the payment of benefits, receive equal treatment with nationals of that Contracting Party. The foregoing shall also apply to the dependents and survivors who reside in the territory of either Contracting Party with respect to their rights derived from the persons specified in this paragraph.

2. Unless otherwise provided in this Agreement, benefits under the legislation of one Contracting Party shall not be subject to any reduction, modification, suspension, withdrawal or confiscation due to the fact that the recipient resides or stays in the territory of the other Contracting Party, and such benefits shall be payable in the territory of that other Contracting Party.

3. Unless otherwise provided in this Agreement, any provision of the legislation of one Contracting Party which requires that entitlement to or payment of benefits is dependent on residence in the territory of that Contracting Party shall not be applicable to persons who reside in the territory of the other Contracting Party.

4. Benefits under the legislation of one Contracting Party shall be granted to the beneficiaries specified in Article 3 who reside outside the territories of the Contracting Parties under the same conditions as they are granted to nationals of the first Contracting Party who reside outside the territories of the Contracting Parties.

Part II

Provisions on Coverage

Article 5

General Provisions

Except as otherwise provided in this Part, an employed person who works in the territory of one Contracting Party shall, with respect to that work, be subject only to the legislation of that Contracting Party.

Article 6

Dispatched Workers

1. Where an employed person in the service of an employer having a registered office in the territory of one Contracting Party is sent by that employer to work on that employer's behalf in the territory of the other Contracting Party, only the legislation of the first Contracting Party shall continue to apply with regard to that employment during the first sixty (60) months as if the person were employed in the territory of the first Contracting Party. This paragraph shall also apply to an employee who has been sent by his or her employer in the territory of one Contracting Party to the employer's affiliated or subsidiary company in the territory of the other Contracting Party.

2. In case the dispatch continues beyond the period specified in paragraph 1 of this Article, the legislation of the first Contracting Party referred to in that paragraph shall continue to apply for an additional period of up to thirty-six (36) months if such employment continues for the same employer.

Article 7

Local Recruits

1. When a national of one Contracting Party who temporarily resides in the territory of the other Contracting Party is employed by an employer with a place of business in that other Contracting Party and works for that employer in the territory of that other Contracting Party, only the legislation of that other Contracting Party shall apply during that employment.

2. Notwithstanding paragraph 1 of this Article, when a national of Korea is employed by an employer with a place of business in Viet Nam and works for that employer in Viet Nam, only the legislation of Korea shall continue to apply during that employment, provided that he or she is subject to the legislation of Korea and that the duration of the employment does not exceed sixty (60) months.

Article 8

Members of Diplomatic Missions and Consular Posts, and Civil Servants

1. This Agreement shall not affect the application of the provisions of the Vienna Convention on Diplomatic Relations of 18 April 1961 and of the Vienna Convention on Consular Relations of 24 April 1963.

2. Subject to paragraph 1 of this Article, a national employed by the central or local government service, or any other public service, of a Contracting Party, who is sent to work in the territory of the other Contracting Party, shall be subject to the legislation of the first Contracting Party as if he or she were employed in its territory.

Article 9

Exception Provision

The Competent Authorities or the Implementation Agencies of the Contracting Parties may agree to grant an exception to this Part with respect to particular persons or categories of person, provided that any affected person shall be subject to the legislation of one Contracting Party.

Part III

Provisions on Benefits

Article 10

Totalization of Periods of Coverage and Calculation of Benefits

1. When periods of coverage have been completed under the legislation of both Contracting Parties, the Implementation Agency of each Contracting Party shall, in determining eligibility for benefits under the legislation which it applies, take into account, if necessary, periods of coverage under the legislation of the other Contracting Party, provided that such periods of coverage do not overlap with periods of coverage under its legislation.

2. If the legislation of one Contracting Party subordinates the granting of certain benefits to the condition that periods of coverage are to be completed in a given occupation, only periods of coverage completed or recognized as equivalent in the same occupation under the legislation of the other Contracting Party shall be totalized for admission to entitlement to these benefits.

3. The calculation of benefits shall be determined by the applicable legislation of the respective Contracting Party unless otherwise provided in this Agreement.

Article 11

Special Provisions relating to Korea

1. Where periods of coverage under the legislation of Viet Nam are taken into account to establish eligibility for benefits under the legislation of Korea, in accordance with paragraph 1 of Article 10, the benefits due shall be determined as follows:

(a) the Implementation Agency of Korea shall first compute a pension amount equal to the amount that would have been payable to the person if all the periods of coverage taken into account under the legislation of the two Contracting Parties had been completed under the legislation of Korea. To determine the pension amount, the Implementation Agency of Korea shall take into account the person's average standard monthly income while covered under the legislation of Korea;

(b) the Implementation Agency of Korea shall calculate the partial benefit to be paid in accordance with the legislation of Korea based on the pension amount calculated according to the preceding subparagraph, in proportion to the ratio between the duration of the periods of coverage taken into consideration under its own legislation and the total duration of the periods of coverage taken into consideration under the legislation of the two Contracting Parties.

2. If the total duration of the periods of coverage accumulated by a person under the legislation of Korea is less than 18 months, the Implementation Agency of Korea shall not be required to apply Article 10 of this Agreement.

3. Lump-sum refunds shall be granted to nationals of Viet Nam under the same conditions as they are granted to nationals of Korea. Notwithstanding Article 4 of this Agreement, lump-sum refunds shall be paid to nationals of a third State only in accordance with the legislation of Korea.

Article 12

Special Provisions relating to Viet Nam

1. When periods of coverage under the legislation of Korea are taken into account to determine the eligibility for benefits under the legislation of Viet Nam pursuant to paragraph 1 of Article 10, the amount of such benefits shall be calculated as follows:

(a) the periods of coverage which count toward the pension benefits are derived from the total periods of coverage in Korea and Viet Nam, subtracting duplicate periods of coverage (if any);

(b) the calculation of benefits shall be determined by the legislation of Viet Nam, with no discrimination;

(c) if the total duration of the periods of coverage accumulated by a person under the legislation of Viet Nam is less than 18 months, the Implementation Agency of Viet Nam shall not be required to apply Article 10 of this Agreement.

2. Notwithstanding paragraph 1 of this Article, the periods of coverage under the legislation of Korea shall not be taken into account in determining the eligibility for survivor benefits under the legislation of Viet Nam.

3. Paragraph 2 of this Article shall not apply if the legislation of Viet Nam is revised to calculate the amount of survivor benefits.

Part IV

Miscellaneous Provisions

Article 13

Administrative Arrangement

1. The Competent Authorities of the Contracting Parties shall conclude an Administrative Arrangement that sets out the measures necessary for the implementation of this Agreement.

2. The liaison agencies of each Contracting Party shall be designated in the Administrative Arrangement.

Article 14

Exchange of Information and Mutual Assistance

1. Within the scope of their respective competence, the Competent Authorities and the Implementation Agencies of the Contracting Parties shall:

(a) communicate to each other, to the extent permitted by the legislation which they administer, any information necessary for the application of this Agreement;

(b) assist each other with regard to the determination of entitlement to or payment of any benefits under this Agreement, or the legislation to which this Agreement applies; and

(c) communicate to each other, as soon as possible, information concerning the measures taken by them for the application of this Agreement and any changes in their respective legislation which may affect the application of this Agreement.

2. The assistance referred to in sub-paragraph 1(b) of this Article shall be provided free of charge, subject to any exceptions to be agreed upon in the Administrative Arrangement concluded pursuant to paragraph 1 of Article 13.

Article 15

Confidentiality of Information

Unless otherwise required by the national laws and regulations of a Contracting Party, information about an individual which is transmitted in accordance with this Agreement to the Competent Authority or the Implementation Agency of that Contracting Party by the Competent Authority or the Implementation Agency of the other Contracting Party shall be used exclusively for the purposes of implementing this Agreement and the legislation to which this Agreement applies. Such information received by the Competent Authority or the Implementation Agency of a Contracting Party shall be governed by the national laws and regulations of that Contracting Party for the protection of privacy and confidentiality of personal data.

Article 16

Exemption from Certification of Documents

1. Documents and certificates which are presented by the Competent Authority or the Implementation Agency of either Contracting Party for the application of this Agreement or of the legislation of the other Contracting Party shall be exempted from the requirements for legalization by diplomatic or consular authorities or any other similar formalities.

2. Copies of documents which are certified as true and exact copies by the Competent Authority or the Implementation Agency of one Contracting Party shall be accepted by the Competent Authority or the Implementation Agency of the other Contracting Party, without any further requirements for certification, legalization or confirmation by diplomatic or consular authorities or any other similar formalities.

Article 17

Language of Communications

1. The Competent Authorities and the Implementation Agencies of the Contracting Parties may correspond directly with one another, as well as with any person or his or her representatives, in the Korean, Vietnamese or English languages, wherever that person may reside, whenever it is necessary to do so for the application of this Agreement or of the legislation to which this Agreement applies.

2. An application or document may not be rejected by the Competent Authority or the Implementation Agency of a Contracting Party solely because it is in the official language of the other Contracting Party or in English.

Article 18

Submission of Claims, Notices or Appeals

1. Any claim, notice or appeal concerning the determination or payment of a benefit under the legislation of a Contracting Party which should, for the purposes of that legislation, have been filed within a prescribed period with the Competent Authority or the Implementation Agency of that Contracting Party, but which is instead filed within the same period to the Competent Authority or the Implementation Agency of the other Contracting Party, shall be considered to have been filed on time with the Competent Authority or the Implementation Agency of the first Contracting Party.

2. If, after the entry into force of this Agreement, a person files a written application for benefits with the Implementation Agency of a Contracting Party under the legislation of that Contracting Party, the application shall also protect the rights of that person to corresponding benefits under the legislation of the other Contracting Party, provided that the person at the time of application:

(a) is entitled on grounds of age to lodge a valid claim for a benefit of the other Contracting Party; and

(b) requests that it be considered as an application under the legislation of the other Contracting Party; or

(c) provides information indicating that periods of coverage have been completed under the legislation of the other Contracting Party.

However, the foregoing shall not apply if the applicant explicitly requests that the application be restricted to benefits under the legislation of the first Contracting Party.

3. In any case to which paragraph 1 or 2 of this Article applies, the Competent Authority or the Implementation Agency to which the claim, notice or appeal has been submitted shall indicate the date of receipt of the document and forward it without delay to the Competent Authority or the Implementation Agency of the other Contracting Party.

Article 19

Payment of Benefits

The Implementation Agency of a Contracting Party may pay benefits in accordance with this Agreement in the currency of that Contracting Party.

Article 20

Resolution of Disagreements

Any disagreement regarding the interpretation or application of this Agreement shall be resolved by consultation and negotiation between the Contracting Parties.

Part V

Transitional and Final Provisions

Article 21

Transitional Provisions

1. Any period of coverage completed before the date of the entry into force of this Agreement, and any other relevant events that occurred before that date, shall be taken into consideration in determining the right to a benefit under this Agreement. However, neither Implementation Agency of a Contracting Party shall be required to take into account periods of coverage which occurred prior to the earliest date for which periods of coverage may be credited under its legislation.

2. This Agreement shall not establish any right to receive the payment of benefits for any period before the date of the entry into force of this Agreement.

3. Determinations concerning entitlement to benefits which were made before the entry into force of this Agreement shall not affect rights arising under it.

4. Benefits determined before the entry into force of this Agreement may be newly determined upon application if a change in such benefits results solely from the provisions of this Agreement. If the new determination under the preceding sentence of this paragraph results in no entitlement or entitlement to a lesser amount of benefits than those paid for the last period prior to the entry into force of this Agreement, the same amount of benefits as previously paid shall continue to be paid.

5. In applying Articles 6 and 7 in the case of persons who were sent to, or employed in, the territory of a Contracting Party prior to the date of the entry into force of this Agreement, the

periods of employment referred to in that Article shall be considered to begin on the date of the entry into force of this Agreement.

6. The provisions of Part III shall apply only to benefits for which an application is filed on or after the date this Agreement enters into force.

Article 22

Amendment

This Agreement may be amended by mutual consent of the Contracting Parties. Such amendment shall enter into force in accordance with the procedure set out in Article 23 and constitute an integral part of this Agreement.

Article 23

Entry into Force

1. This Agreement shall enter into force on the first day of the second month following the month in which each Contracting Party has received from the other Contracting Party written notification that it has complied with all requirements for the entry into force of this Agreement.

2. Notwithstanding paragraph 1, the provisions of Article 4 and Part III shall only apply to the Contracting Parties if Viet Nam is capable of fulfilling the obligations set out in Articles 4, 10 and 12. In such case, Viet Nam shall give written notification, through diplomatic channels, to Korea that it shall be fulfilling such obligations. The provisions of Article 4 and Part III shall

apply from the date on which Korea provides written notification to Viet Nam confirming this through diplomatic channels.

Article 24

Duration and Termination

1. This Agreement shall remain in force and effect until the last day of the twelfth month following the month in which written notice of its termination is given by either Contracting Party to the other Contracting Party.

2. If this Agreement is terminated, rights regarding entitlement to or payment of benefits acquired under it shall be retained. The Contracting Parties shall make arrangements to deal with rights in the process of being acquired.

IN WITNESS WHEREOF, the undersigned, being duly authorized thereto, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Seoul, on the 14th day of December, 2021, in the Korean, Vietnamese and English languages, each text being equally authentic. In case of any divergence of interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF KOREA
DAO NGOC DUNG	KWON DEOK-CHEOL
Minister of Labour, War Invalids and Social Affairs	Minister of Health and Welfare

베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부 간의

사회보험에 관한 협정

베트남사회주의공화국 정부와 대한민국 정부는(이하 "체약당사자"라 한다),

사회보험 분야에서 그들의 상호협력을 진전시키기를 희망하며,

다음과 같이 합의하였다.

제1부

일반규정

제1조

정의

1. 이 협정의 목적상

가. "영역"이란

1) 베트남사회주의공화국(이하 "베트남"이라 한다)에서는 베트남의 영역을 말하고,

2) 대한민국(이하 "한국"이라 한다)에서는 한국의 영역을 말한다.

나. "국민"이란

1) 베트남에서는 「베트남 국적법」에 정의된 베트남 국민을 말하고,

2) 한국에서는 「국적법」에 정의된 한국 국민을 말한다.

다. "법령"이란 이 협정 제2조에 명시된 사회보험에 관한 법과 규정을 말한다.

라. "권한 있는 당국"이란

1) 베트남에서는 노동보훈사회부를 말하고,

2) 한국에서는 보건복지부를 말한다.

마. "시행기관"이란

1) 베트남에서는 베트남사회보장공단을 말하고,

2) 한국에서는 국민연금공단을 말한다.

바. "가입기간"이란 한쪽 체약당사자의 법령에 따라 완성되고 인정되는 모든 사회보험료 납부기간과 그 법령에 따라 사회보험료 납부기간과 동등한 것으로 간주되는 그 밖의 모든 관련 기간을 말한다.

사. "급여"란 이 협정 제2조에 명시된 법령에 규정된 모든 급여를 말한다.

2. 이 조에 정의되지 않은 모든 용어는 이 협정 제2조에 명시된 법령에서 그에 부여된 의미를 가진다.

제2조

적용 범위

1. 이 협정은 다음의 법령에 적용된다.

가. 베트남에서는 노령급여 및 유족급여에 관한 「사회보험법」

나. 한국에서는 「국민연금법」

2. 이 협정에서 달리 규정하는 경우를 제외하고는, 이 조 제1항에 언급된 법령에는 한쪽 체약당사자와 제3국 간에 체결될 수 있는 사회보장에 관한 그 밖의 조약이나 그러한 조약의 구체적인 이행을 위하여 공포된 법령은 포함되지 않는다.

3. 이 협정은 이 조 제1항에 명시된 법령을 개정, 보충, 통합 또는 대체하는 장래의 법령에도 적용된다.

4. 이 조 제3항에도 불구하고, 이 협정은 한쪽 체약당사자의 기존 법령을 새로운 범주의 수급권자에게 확대하는 법 또는 규정에는, 그 체약당사자의 권한 있

는 당국이 그러한 법 또는 규정의 시행일부터 6개월 내에 이 협정에 대해서는 그러한 확대가 의도되지 않는다고 다른 쪽 체약당사자의 권한 있는 당국에 서면으로 통지한 경우, 적용되지 않는다.

제3조

인적 범위

1. 이 협정은 어느 한쪽 체약당사자의 법령을 적용받거나 적용받았던 모든 사람에게 적용된다.

2. 이 협정은 어느 한쪽 체약당사자의 법령에 따른 위 사람의 피부양자와 유족에게도 적용된다.

제4조

동등 대우

1. 이 협정에서 달리 규정하는 경우를 제외하고는, 어느 한쪽 체약당사자의 영역에 거주하는 제3조에 언급된 모든 사람은 급여의 수급자격과 지급에 관한 그 체약당사자의 법령 적용에서 그 체약당사자의 국민과 동등한 대우를 받는다. 앞의 내용은 어느 한쪽 체약당사자의 영역에 거주하는 그 피부양자와 유족에게도, 이 항에 명시된 사람으로부터 유래한 그들의 권리에 관하여, 적용된다.

2. 이 협정에서 달리 규정하는 경우를 제외하고는, 한쪽 체약당사자의 법령에 따른 급여는 수급자가 다른 쪽 체약당사자의 영역에 거주하거나 체류한다는 사실로 인하여 감액, 변경, 정지, 철회 또는 몰수의 대상이 되지 않으며, 그러한 급여는 그 다른 쪽 체약당사자의 영역에서 지급 가능해야 한다.

3. 이 협정에서 달리 규정하는 경우를 제외하고는, 급여 수급권 또는 급여 지급을 위하여 한쪽 체약당사자의 영역 내에서 거주할 것을 요구하는 그 체약당사자의 법령 규정은 다른 쪽 체약당사자의 영역에 거주하는 자에게는 적용하지 않는다.

4. 한쪽 체약당사자의 법령에 따른 급여는 양 체약당사자 영역 밖에 거주하는 그 한쪽 체약당사자의 국민에게 지급되는 것과 동일한 조건으로 양 체약당사

자 영역 밖에 거주하는 제3조에 명시된 수급권자에게 지급된다.

제2부

적용에 관한 규정

제5조

일반규정

이 부에서 달리 규정하는 경우를 제외하고는, 한쪽 체약당사자의 영역에서 근로하는 피용자는 그 근로와 관련하여 그 체약당사자의 법령만을 적용받는다.

제6조

파견근로자

1. 한쪽 체약당사자의 영역에 등록된 사무소를 가진 사용자의 업무에 종사하는 피용자가 그 사용자에 의하여 다른 쪽 체약당사자의 영역으로 그 사용자를 위

하여 근로하도록 파견된 경우, 처음 60개월 동안은 그 사람이 그 한쪽 체약당사자의 영역에서 고용된 것처럼, 그 고용과 관련하여 그 한쪽 체약당사자의 법령만이 계속해서 적용된다. 이 항은 한쪽 체약당사자의 영역에 있는 사용자에 의하여 다른 쪽 체약당사자의 영역에 있는 그 사용자의 계열사 또는 자회사에 파견된 근로자에게도 적용된다.

2. 이 조 제1항에 명시된 기간을 초과하여 파견이 계속되는 경우, 그러한 고용이 동일한 사용자를 위하여 계속된다면 36개월까지의 추가 기간 동안 같은 항에서 언급된 한쪽 체약당사자의 법령이 계속해서 적용된다.

제7조

현지채용자

1. 다른 쪽 체약당사자의 영역에서 임시로 거주하는 한쪽 체약당사자의 국민이 그 다른 쪽 체약당사자에 사업장을 가진 사용자에 의하여 고용되어 그 사용자를 위하여 그 다른 쪽 체약당사자의 영역에서 근로하는 경우, 그 고용기간 동안 그 다른 쪽 체약당사자의 법령만이 적용된다.

2. 이 조 제1항에도 불구하고, 한국 국민이 베트남에 사업장을 가진 사용자에 의하여 고용되어 그 사용자를 위하여 베트남에서 근로하는 경우, 그 사람이 한국 법령을 적용받고 그 고용기간이 60개월을 넘지 않는 것을 조건으로, 그 고용기간 동안 한국 법령만이 계속해서 적용된다.

제8조

외교공관원, 영사관원 및 공무원

1. 이 협정은 1961년 4월 18일자 「외교관계에 관한 비엔나협약」 및 1963년 4월 24일자 「영사관계에 관한 비엔나협약」 규정의 적용에 영향을 미치지 않는다.

2. 이 조 제1항에 따라, 한쪽 체약당사자의 중앙이나 지방정부 또는 그 밖의 공공기관에 고용되어 다른 쪽 체약당사자의 영역에서 근로하기 위하여 파견된 국민은 그 한쪽 체약당사자의 영역에서 고용된 것과 같이 그 한쪽 체약당사자의 법령을 적용받는다.

제9조

예외규정

체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관은 특정한 사람 또는 특정 범주의 사람에 관하여, 해당되는 사람이 한쪽 체약당사자의 법령을 적용받는 경우, 이부에 대한 예외를 허용하는 데 합의할 수 있다.

제3부

급여에 관한 규정

제10조

가입기간 합산 및 급여 산정

1. 양 체약당사자의 법령에 따라 가입기간이 완성된 경우, 각 체약당사자의 시행기관은 적용되는 법령에 따른 급여 수급자격을 결정할 때, 필요한 경우 다른 쪽 체약당사자의 법령에 따른 가입기간이 자국의 법령에 따른 가입기간과 중복되

지 않을 것을 조건으로, 다른 쪽 체약당사자의 법령에 따른 가입기간을 고려한다.

2. 한쪽 체약당사자의 법령이 특정 급여의 지급을 위하여 가입기간이 특정 직업에서 완성될 것을 조건으로 하는 경우, 다른 쪽 체약당사자의 법령에 따라 동일한 직업에서 완성되거나 동등하게 인정된 가입기간만이 이러한 급여 수급권의 인정을 위하여 합산된다.

3. 급여의 산정은 이 협정에서 달리 규정하는 경우를 제외하고는 각 체약당사자의 적용 가능한 법령에 따라 결정된다.

제11조

한국에 관한 특별규정

1. 제10조제1항에 따라 한국 법령에 따른 급여 수급자격을 설정하기 위하여 베트남 법령에 따른 가입기간이 고려되는 경우, 지급될 급여는 다음 각 호와 같이 결정된다.

가. 한국의 시행기관은 우선 양 체약당사자의 법령에 따라 고려된 총 가입

기간이 한국 법령에 따라 완성되었을 경우 그 사람에게 지급되었을 금액과 동일한 연금액을 산정한다. 연금액을 결정하기 위하여 한국의 시행기관은 한국 법령에 따라 가입되었던 기간 동안 그 사람의 평균기준소득월액을 고려한다.

나. 한국의 시행기관은 앞의 호에 따라 산정된 연금액을 기초로, 자국 법령에 따라 고려되는 가입기간과 양 체약당사자의 법령에 따라 고려되는 총 가입기간의 비율에 비례하여 한국 법령에 따라 지급될 부분급여를 산정한다.

2. 어떠한 사람의 한국 법령에 따른 총 누적 가입기간이 18개월 미만인 경우, 한국의 시행기관은 이 협정 제10조를 적용하도록 요구받지 않는다.

3. 반환일시금은 한국 국민에게 지급되는 것과 같은 조건으로 베트남 국민에게 지급된다. 이 협정 제4조에도 불구하고, 반환일시금은 제3국 국민에게는 한국 법령에 따라서만 지급된다.

제12조

베트남에 관한 특별규정

1. 제10조제1항에 따라 베트남 법령에 따른 급여 수급자격을 결정하기 위하여 한국 법령에 따른 가입기간이 고려되는 경우, 그러한 급여의 금액은 다음 각 호와 같이 산정된다.

가. 연금급여에 기산되는 가입기간은 중복된 가입기간(있는 경우)을 제외한 한국과 베트남에서의 총 가입기간에서 유래된다.

나. 급여의 산정은 차별 없이 베트남 법령에 따라 결정된다.

다. 어떠한 사람의 베트남 법령에 따른 총 누적 가입기간이 18개월 미만인 경우, 베트남의 시행기관은 이 협정 제10조를 적용하도록 요구받지 않는다.

2. 이 조 제1항에도 불구하고, 한국 법령에 따른 가입기간은 베트남 법령에 따른 유족급여 수급자격 결정에 고려되지 않는다.

3. 베트남 법령이 유족급여액의 산정을 개정하는 경우 이 조 제2항은 적용되지 않는다.

제4부

보칙 규정

제13조

행정약정

1. 체약당사자의 권한 있는 당국은 이 협정의 이행을 위하여 필요한 조치를 규정하는 행정약정을 체결한다.

2. 각 체약당사자의 연락기관은 행정약정에서 지정된다.

제14조

정보 교환 및 상호 지원

1. 체약당사자의 권한 있는 당국 및 시행기관은 각자의 권한 범위에서,

가. 그들이 집행하는 법령이 허용하는 범위에서 이 협정의 적용을 위하여

필요한 정보를 상호 교환한다.

나. 이 협정 또는 이 협정이 적용되는 법령에 따른 급여 수급권의 결정 또는 급여 지급과 관련하여 상호 지원한다. 그리고

다. 이 협정의 적용을 위하여 그들이 취한 조치 및 이 협정의 적용에 영향을 미칠 수 있는 각자의 법령에서의 모든 변경에 관한 정보를 가능한 한 조속히 상호 교환한다.

2. 이 조 제1항나호에 인급된 지원은, 이 협정 제13조제1항에 따라 체결된 행정약정에서 합의된 예외를 따를 것을 조건으로, 무료로 제공된다.

제15조

정보 비밀유지

한쪽 체약당사자의 국내법과 규정이 달리 요구하는 경우를 제외하고는, 이 협정에 따라 다른 쪽 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관에 의하여 그 한쪽 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관에 전달된 개인에 관한 정보는 이 협정 및 이 협정이 적용되는 법령을 이행하는 목적으로만 사용된다. 한쪽 체약당

사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관이 접수한 이러한 정보는 사생활 보호 및 개인정보 비밀유지를 위한 그 체약당사자의 국내법과 규정에 따라 규율된다.

제16조

서류인증 면제

1. 이 협정 또는 다른 쪽 체약당사자의 법령 적용을 위한 어느 한쪽 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관에 의하여 제시되는 서류 및 증명서는 외교 또는 영사 당국의 공증 또는 그 밖의 모든 유사한 절차 요건으로부터 면제된다.

2. 한쪽 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관이 진정하고 정확한 사본으로 인증한 서류의 사본은 외교 또는 영사 당국에 의한 추가적인 인증, 공증 또는 확인이나 그 밖의 유사한 절차 요건 없이 다른 쪽 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관에 의하여 인정된다.

제17조

소통 언어

1. 양 체약당사자의 권한 있는 당국 및 시행기관은 이 협정 또는 이 협정이 적용되는 법령의 적용을 위하여 필요할 때에는 언제든지, 거주지에 관계없이, 한국어, 베트남어 또는 영어로 모든 개인 또는 그 사람의 대리인과는 물론 서로 직접적으로도 교신할 수 있다.

2. 한쪽 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관은 신청서나 서류가 다른 쪽 체약당사자의 공식 언어 또는 영어로 작성되었다는 이유만으로 이를 거절할 수 없다.

제18조

청구서, 신고서 또는 이의신청서 제출

1. 한쪽 체약당사자의 법령 목적상 그 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관에 정해진 기간 내에 제출되었어야 하는 한쪽 체약당사자의 법령에 따른 급여의 결정 또는 지급에 관한 모든 청구서, 신고서 또는 이의신청서가 다른 쪽

체약당사자의 권한 있는 당국이나 시행기관에 동일 기간 내에 대신 제출된 경우, 그 한쪽 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관에 기간 내에 제출된 것으로 간주한다.

2. 이 협정의 발효 후, 어떠한 사람이 한쪽 체약당사자의 법령에 따라 그 체약당사자의 시행기관에 서면으로 급여 신청서를 제출한 경우, 그 사람이 신청 시 다음에 해당된다면 그 신청은 다른 쪽 체약당사자의 법령에 따른 상응하는 급여에 대한 그 사람의 권리도 보호한다.

가. 연령을 근거로 다른 쪽 체약당사자의 법령에 따른 급여에 대한 유효한 청구를 제기할 자격을 갖춘 경우, 그리고

나. 다른 쪽 체약당사자의 법령에 따른 신청으로 간주되어야 한다고 요청한 경우, 또는

다. 다른 쪽 체약당사자의 법령에 따라 가입기간이 완성되었음을 나타내는 정보를 제공하는 경우

다만, 앞의 내용은 신청인이 그 신청이 그 한쪽 체약당사자의 법령에 따른 급여에 한정되도록 명시적으로 요청하는 경우에는 적용되지 않는다.

3. 이 조 제1항 또는 제2항이 적용되는 모든 경우에는, 청구서, 신고서 또는

이의신청서를 제출받은 권한 있는 당국 또는 시행기관은 그 서류의 접수일을 표시하여 이를 지체 없이 다른 쪽 체약당사자의 권한 있는 당국 또는 시행기관에 전달한다.

제19조

급여 지급

체약당사자의 시행기관은 이 협정에 따른 급여를 그 체약당사자의 통화로 지급할 수 있다.

제20조

분쟁 해결

이 협정의 해석 또는 적용에 관한 모든 분쟁은 체약당사자 간의 협의와 협상으로 해결한다.

제5부

경과 및 최종 규정

제21조

경과 규정

1. 이 협정 발효일 전에 완성된 가입기간과 이 협정 발효일 전에 발생한 그 밖의 모든 관련 사건은 이 협정에 따른 급여에 대한 권리를 결정할 때 고려된다. 그러나 어느 체약당사자의 시행기관도 자국의 법령에 따라 가입기간으로 인정될 수 있는 최초일 전에 발생한 가입기간을 고려하도록 요구받지 않는다.

2. 이 협정은 이 협정 발효일 전의 기간에 대한 급여 지급을 수령할 어떠한 권리도 설정하지 않는다.

3. 이 협정의 발효 전에 이루어진 급여 수급권에 관한 결정은 이 협정에 따라 발생하는 권리에 영향을 주지 않는다.

4. 이 협정 발효 전에 결정된 급여의 변경이 오직 이 협정의 규정에 따라서 발생된 경우, 그 급여는 신청에 따라 새롭게 결정될 수 있다. 이 항의 앞 문장에 따른 새로운 결정으로 인하여 수급권이 상실되거나 이 협정 발효 전 마지막 기간에 지급된 것보다 더 적은 급여액의 수급권이 초래될 경우, 이전에 지급된 것과 동일한 급여액이 계속 지급된다.

5. 이 협정의 발효일 전에 한쪽 체약당사자의 영역에 파견되거나 고용된 사람의 경우에 제6조 및 제7조를 적용할 때, 그 조에서 언급된 고용기간은 이 협정의 발효일에 시작하는 것으로 간주한다.

6. 제3부의 규정은 이 협정의 발효일 또는 발효일 후에 신청된 급여에 대해서만 적용된다.

제22조

개정

이 협정은 체약당사자의 상호 동의로 개정될 수 있다. 그러한 개정은 제23조

에 규정된 절차에 따라 발효되고, 이 협정의 불가분의 일부를 구성한다.

제23조

발효

1. 이 협정은 각 체약당사자가 다른 쪽 체약당사자로부터 이 협정의 발효에 필요한 모든 요건을 완료했다는 서면 통보를 받은 달의 다음 두 번째 달의 첫 번째 날에 발효한다.

2. 제1항에도 불구하고, 제4조 및 제3부의 규정은 베트남이 제4조, 제10조 및 제12조에 규정된 의무를 이행할 수 있게 되는 경우에만 양 체약당사자에 적용된다. 이러한 경우, 베트남은 그러한 의무를 이행할 것임을 외교 경로를 통하여 한국에 서면 통보한다. 제4조 및 제3부의 규정은 한국이 이를 확인하였음을 외교 경로를 통하여 베트남에 서면 통보한 날부터 적용된다.

제24조

존속기간 및 종료

1. 이 협정은 어느 한쪽 체약당사자가 다른 쪽 체약당사자에게 이 협정의 종료를 서면으로 통보한 달의 다음 열두 번째 달의 마지막 날까지 유효하다.

2. 이 협정이 종료되는 경우, 이 협정에 따라 취득된 급여 수급권 또는 급여 지급에 관한 권리는 존속한다. 체약당사자는 취득 과정 중에 있는 권리를 처리할 조치를 한다.

이상의 증거로 아래 서명자는 정당하게 권한을 위임받아 이 협정에 서명하였다.

2021년 12월 00일 서울에서 동등하게 정본인 베트남어, 한국어 및 영어로 각 2부씩 작성하였다. 해석의 이견이 있을 경우 영어본이 우선한다.

베트남사회주의공화국 정부를 대표하여	대한민국 정부를 대표하여
DAO NGOC DUNG	KWON DEOK-CHEOL
Minister of Labour, War Invalids and Social Affairs	Minister of Health and Welfare